

ĐỀ THI LÝ THUYẾT YS NĂM HỌC 2017 – 2018

THỜI GIAN 40 phút

Mã đề: 001

Câu 1-3:

Bé nam 14 tuổi, đang bắt đầu tập chơi trượt Patin gần 3 tuần nay, một tuần gần đây bé thấy yếu hai bàn chân, bàn chân thường xuyên bị vấp và té ngã. Khi khám phát hiện có dấu hiệu bàn chân rơi hai bên mức độ trung bình nhẹ, yếu động tác nâng bàn chân và có hiện tượng đau nhẹ mặt ngoài trên cẳng chân dưới gối, nơi mà Bé mang dụng cụ bảo vệ gối trong quá trình tập luyện.

1. Theo bệnh cảnh lâm sàng này thì bệnh gì thường gặp ở vị trí này?

- A. Bệnh lý thần kinh toạ nơi nó đi ra khỏi khuyết toạ bên dưới mông.
- B. Bệnh lý thần kinh mác ở đầu xương mác.
- C. Bệnh lý thần kinh chày trong hố khoeo.
- D. Bệnh lý rễ thần kinh thắt lưng.
- E. Tất cả câu trên đều sai.

2. Rễ thần kinh nào liên quan với tình trạng này?

- A. L2L3
- B. L3L4
- C. L4L5
- D. L5S1
- E. Tất cả đều sai.

3. Phương pháp cận lâm sàng nào là tốt nhất để chẩn đoán và đánh giá tình trạng tổn thương thần kinh trong tình huống này?

- A. MRI cột sống lưng.
- B. CT scan cột sống lưng.
- C. X quang vùng cẳng chân
- D. Đo điện cơ hai chân.
- E. Tất cả đều sai.

Câu 4-6:

Chọn chẩn đoán phù hợp cho các bệnh cảnh lâm sàng dưới đây:

- A. Bệnh lý rễ thần kinh C5
- B. Bệnh lý đám rối thần kinh cánh tay.
- C. Bệnh viêm cơ khu trú.
- D. Bệnh lý đơn dây thần kinh giữa.
- E. Bệnh neuron vận động.

4. Bệnh nhân nam 42 tuổi, đến với tình trạng đau lan từ vai phải xuống khuỷu và tê vùng trước ngoài cẳng tay và mặt ngoài lòng bàn tay. Khám thấy giảm cảm giác vùng ngoài vai, vùng trước cánh tay và cẳng tay kèm giảm phản xạ nhị đầu bên phải.

5. Bệnh nhân nữ, 53 tuổi đến với tình trạng tê và đau bàn tay và thường nặng thêm về ban đêm. Bệnh nhân thấy giảm khả năng thực hiện các động tác cầm nắm các vật nhỏ bằng ngón tay. Khi khám phát hiện bệnh nhân có giảm cảm giác mô cái hai bên bàn tay, bên phải nặng hơn bên trái, giảm cảm giác vùng ngón II và ngón III cả hai bàn tay kèm teo nhẹ mô cái hai bên.

6. Bệnh nhân nữ 65 tuổi có tiền căn K vú trái đã được phẫu thuật đoạn nhũ tận gốc và xạ trị vùng hạch nách. Bệnh nhân đến với tình trạng yếu không đau và tê vai và cánh tay trái, giảm khả năng nắm mở bàn tay. Khi khám phát hiện teo cơ vai, cơ deltoide, cơ nhị đầu và cơ gian cốt bàn tay kèm mất phản xạ tam đầu và nhị đầu.

Bệnh cảnh lâm sàng: (câu 7-9)

Bệnh nhân nam, 53 tuổi, thể trạng mập bị TNGT không rõ cơ chế, sau tai nạn tình tảo, liệt hoàn toàn hai chân nên được đưa đến cấp cứu:

Khám: - Bệnh tình tảo, GCS=15, liệt hoàn toàn hai chân sức cơ 0/5, sức cơ gốc chi hai tay 5/5, yếu nhẹ động tác cầm nắm hai bàn tay, giảm cảm giác từ ngang vai trở xuống, tiểu qua sonde.

7. Vị trí tổn thương thần kinh tuỷ sống thường gặp trên bệnh nhân này là:

- A. Tuỷ sống ngực
- B. Tuỷ cổ cao

C. Tuỷ cổ thấp

D. Vùng chóp tuỷ

E. Tất cả đều sai

8. Hình ảnh học nên được thực hiện đầu tiên tại cấp cứu:

A. X Quang cột sống cổ thẳng, nghiêng.

B. X quang cột sống cổ, ngực thẳng nghiêng.

C. X quang cột sống ngực, thắt lưng thẳng nghiêng.

D. X quang cột sống cổ thẳng nghiêng, tứ thế há miệng.

E. Tất cả đều sai.

9. Kết quả X quang cột sống cổ nghiêng chỉ thấy đến C5C6 (do bệnh nhân mập, cổ ngắn) và X quang cột sống ngực, thắt lưng đều nằm trong giới hạn bình thường. Vậy hình ảnh học nào cần thực hiện tiếp theo:

A. CT scan cột sống ngực

B. CT scan cột sống cổ

C. MRI cột sống ngực

D. MRI cột sống cổ.

E. Tất cả đều sai.

Bệnh cảnh lâm sàng: (câu 10-14)

Bệnh nhân nam, 23 tuổi, bị té từ độ cao 5m chống hai gót chân khi tiếp đất, sau té bệnh nhân đau lưng nhiều và yếu 2 chân nên được sơ cứu tại bệnh viện huyện và chuyển lên bệnh viện tuyến trên:

Khám: - Bệnh yếu hai chân sức cơ 1/5, cảm giác tê bì từ ngang bẹn trở xuống, đã được đặt sonde tiểu tại tuyến huyện do có cầu bàng quang.

10. Phương pháp sơ cứu thích hợp nhất trên bệnh nhân này tại hiện trường (chọn câu sai):

A. Vác bệnh nhân ra khỏi hiện trường và đưa tới bệnh viện càng sớm càng tốt.

B. Cần nhiều người di chuyển bệnh nhân thành một khối ra khỏi hiện trường.

C. Có thể đặt bệnh nhân trên tấm ván để cố định bệnh nhân.

D. Nên đặt hai túi cát ở 2 bên đầu để cố định cột sống cổ.

E. Có thể lăn tròn bệnh nhân thành một khối khi di chuyển.

11. Với cơ chế chấn thương như vậy các thương tổn thường gặp trên bệnh nhân này là:

A. Chấn thương xương gót, xương đùi, cột sống lưng

B. Chấn thương các tạng đặc như gan, lách thận.

C. Chấn thương tạng rỗng:

D. A+ B đúng

E. A+ C đúng.

12. Vị trí thương tổn cột sống trên bệnh nhân này ở mức khoảng:

A. D 7

B. D10

C. L1

D. L5

E. Tất cả đều sai

13. Phân loại Frankel trên bệnh nhân này:

A. A

B. B

C. C

D. D

E. E

14. Cận lâm sàng nên được thực hiện trên bệnh nhân này tại cấp cứu:

A. X- quang cột sống ở vị trí thương tổn thẳng, nghiêng.

B. Ctscan cột sống ở vị trí thương tổn thẳng, nghiêng.

C. MRI cột sống ở vị trí thương tổn thẳng, nghiêng.

D. A+ B đều đúng

E. A+ C đều đúng.

Bệnh cảnh lâm sàng tiếp theo: (câu 15-16)

Hình ảnh cận lâm sàng trên bệnh nhân này cho thấy có vỡ toàn bộ thân đốt sống và có mảnh rời chèn vào ống sống gây chèn ép vào bao màng cứng của tuỷ gây hẹp >50 % đường kính ống sống.

15. Theo phân loại của Denis đây là loại gãy gì:

- A. Gãy lún thân
- B. Gãy vỡ thân
- C. Gãy trật
- D. Gãy kiểu dây đai
- E. Tất cả câu trên đều sai.

16. Với hình ảnh cận lâm sàng này thì hướng điều trị tốt nhất cho bệnh nhân là:

- A. Nhập khoa ngoại thần kinh theo dõi và điều trị nội
- B. Phẫu thuật cấp cứu giải ép ống sống.
- C. Phẫu thuật cấp cứu giải ép ống sống và nẹp vis cố định cột sống.
- D. Nhập nội thần kinh điều trị nội và tập vật lý trị liệu.
- E. Tất cả đều sai

17. Yếu tố dịch tễ của xuất huyết dưới nhện tự phát, chọn câu đúng:

- A. Trẻ em cũng có khả năng bị xuất huyết dưới nhện
- B. Trung niên xoay quanh 50 tuổi
- C. Nữ giới có nguy cơ cao hơn
- D. Tất cả các câu trên đều đúng

18. Xuất huyết dưới nhện tự phát được xác định, chọn câu đúng:

- A. Có máu trong các rãnh vỏ não trên CT sọ
- B. Bệnh cảnh lâm sàng điển hình xuất huyết dưới nhện
- C. Có máu trong các bể nền
- D. Chọc dịch não tủy xác định có máu hồng cầu

19. Triệu chứng cơ năng có giá trị gợi ý xuất huyết dưới nhện tự phát nhiều nhất, chọn câu đúng:

- A. Đau đầu dữ dội được mô tả là cơn đau đầu tệ nhất từ trước đến giờ bệnh nhân chịu xuất hiện đột ngột
- B. Đau như búa bổ
- C. Có thể mất ý thức kèm theo
- D. Các ý trên đều đúng

20. Dấu hiệu thực thể có giá trị gợi ý màng não bị kích thích, chọn câu đúng:

- A. Đau gáy
- B. Đau đầu
- C. Thay đổi tri giác
- D. Cổ gượng

21. Bảng phân độ bệnh nhân xuất huyết dưới nhện tự phát theo Hunt-Hess hoặc WFNS có giá trị, chọn câu đúng:

- A. Tiên lượng cho bệnh nhân
- B. Giúp lựa chọn phương pháp điều trị phẫu thuật hay can thiệp mạch
- C. Giúp lên kế hoạch phẫu thuật
- D. A và B đúng

22. Sau khi xác định xuất huyết dưới nhện tự phát, việc cần làm tiếp theo, chọn câu đúng:

- A. Tìm yếu tố nguy cơ
- B. Kiểm soát huyết áp tối ưu
- C. Tìm các bất thường mạch máu
- D. Xác định bệnh nhân có túi phình động mạch não không

23. Diễn tiến sinh lý bệnh xuất huyết dưới nhện tự phát gây tổn thương não là do

- A. Tăng áp lực nội sọ
- B. Tổn thương cơ chế điều hòa não
- C. Co mạch não
- D. Thiếu máu não

24. Cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán xác định có xuất huyết dưới nhện, chọn câu đúng:

- A. CT scan sọ không cản quang
- B. CT scan sọ có cản quang
- C. MRI sọ não
- D. Chọc dò dịch não tủy

25. Bệnh nhân nghi ngờ có xuất huyết dưới nhện mà các phương tiện hình ảnh học âm tính cần làm
- A. Chọc dò dịch não tủy thất lưng
 - B. Chụp MRI sọ não để thực hiện hơn, tuy nhiên có giá trị thấp xác thấp
 - C. Lựa chọn chọc dò dịch não tủy hay MRI sọ não cần nhắc cho từng trường hợp cụ thể
 - D. Câu A và B đều đúng
26. Xét nghiệm giúp chẩn đoán xác định nguyên nhân xuất huyết dưới nhện tự phát, chọn câu đúng:
- A. CT tái tạo mạch máu não (CTA) có giá trị cao so với chụp mạch máu kỹ thuật số xóa nền (DSA)
 - B. Chụp mạch máu kỹ thuật số xóa nền (DSA) là tiêu chuẩn vàng
 - C. Chụp hình cộng hưởng từ mạch máu (MRA) giúp xác định túi phình
 - D. Tất cả các xét nghiệm trên
27. Điều trị trong giai đoạn cấp xuất huyết dưới nhện tự phát, chọn câu đúng:
- A. Điều trị giãn não thất cấp
 - B. Ngăn ngừa nguy cơ tái xuất huyết dưới nhện
 - C. Điều trị co thắt mạch
 - D. Ngăn ngừa thiếu máu não
28. Biến chứng muộn của xuất huyết dưới nhện tự phát, chọn câu đúng:
- A. Co thắt mạch gây khiếm khuyết thần kinh
 - B. Rối loạn điện giải có thể gây hôn mê
 - C. Giãn não thất muộn cần phải đặt dẫn lưu não thất ổ bụng
 - D. Tất cả các ý trên
29. Nguyên tắc điều trị túi phình trong xuất huyết dưới nhện tự phát, chọn câu đúng:
- A. Loại bỏ túi phình hoàn toàn nhằm ngăn ngừa nguy cơ tái xuất huyết
 - B. Phương pháp điều trị đảm bảo an toàn tuyệt đối
 - C. Can thiệp nội mạch được ưu tiên lựa chọn hơn trong môi trường hướng
 - D. Câu A và B đúng
30. Điều trị nội khoa xuất huyết dưới nhện do vỡ túi phình động mạch não, chọn câu đúng:
- A. Điều chỉnh huyết áp nhằm cân bằng nguy cơ tái vỡ và nguy cơ thiếu máu não
 - B. Dự phòng co thắt mạch sớm
 - C. A và B đúng
 - D. Điều trị tăng khả năng đông cầm máu
31. Điều trị túi phình động mạch não gây xuất huyết dưới nhện, chọn câu đúng:
- A. Cần có sự phối hợp can thiệp nội mạch và phẫu thuật thần kinh
 - B. Can thiệp nội mạch được ưu tiên lựa chọn nếu cả phẫu thuật và can thiệp đều có thể điều trị
 - C. Điều trị phẫu thuật kẹp cổ túi phình chỉ được lựa chọn một số vị trí
 - D. Tất cả các câu đều đúng
32. Điều trị can thiệp nội mạch trong xuất huyết dưới nhện do vỡ túi phình được ưu tiên, chọn câu đúng:
- A. Tình trạng lâm sàng nặng
 - B. Không có khối choáng chỗ phối hợp
 - C. Vị trí túi phình tuần hoàn sau
 - D. Tất cả các yếu tố trên
33. Biến chứng muộn thường gặp của xuất huyết dưới nhện, chọn câu đúng:
- A. Co thắt mạch
 - B. Khiếm khuyết thần kinh
 - C. Động kinh
 - D. Tất cả các câu trên
34. Yếu tố thuận lợi co thắt mạch trong xuất huyết dưới nhện, chọn câu đúng:
- A. Xuất huyết dưới nhện nhiều
 - B. Tình trạng lâm sàng
 - C. Vị trí túi phình tuần hoàn sau
 - D. Tất cả đều đúng
35. Điều trị nội khoa trong co thắt mạch, chọn câu đúng:
- A. Nimodipine có vai trò trong phòng ngừa co thắt mạch
 - B. Nimodipine có vai trò điều trị co thắt mạch
 - C. Tăng truyền dịch

D. A và B đúng

36. Nguyên tắc điều trị túi phình trong xuất huyết dưới nhện tự phát, chọn câu đúng:

A. Loại bỏ túi phình hoàn toàn

B. Loại bỏ nguy cơ tái xuất huyết

C. Loại bỏ túi phình bằng can thiệp nội mạch

D. Loại bỏ túi phình hoàn toàn càng sớm càng tốt

37. Bệnh nhân vào viện sau tai nạn giao thông, thăm khám ghi nhận như sau: hôn mê; đã được đặt nội khí quản; kích thích đau không mở mắt, đáp ứng đau không chính xác ở 1/2 người trái và không đáp ứng ở 1/2 người phải có thang điểm Glasgow:

A. 7 điểm

B. 8 điểm

C. 6 điểm

D. 5 điểm

E. 9 điểm

38. Những dấu hiệu nguy cơ thấp của tổn thương trong sọ sau chấn thương sọ não, chọn câu đúng:

A. Co giật

B. Nôn ói

C. Đau đầu

D. Lơ mơ

E. Mất trí nhớ

39. Tổn thương nguyên phát trong chấn thương sọ não, chọn câu sai:

A. Máu tụ ngoài màng cứng

B. Dập não

C. Nứt sọ

D. Tổn thương sợi trục lan tỏa

E. Dập thân não

40. Những dấu hiệu nguy cơ trung bình của tổn thương trong sọ sau chấn thương sọ não, chọn câu sai:

A. Đau đầu tăng dần

B. Hôn mê

C. Ói

D. Có dấu hiệu vỡ sán sọ

E. Đa chấn thương

41. Bệnh nhân nữ 45 tuổi được đưa vào bệnh viện sau khi bị té tại nhà. Khám lâm sàng ghi nhận: hôn mê GCS=4 điểm, đã đặt nội khí quản và đang bóp bóng qua nội khí quản, đồng tử hai bên 4 mm, phản xạ ánh sáng (-). Mạch: 60 lần/phút, HA: 140/90 mmHg, sưng nề vùng trán 2 bên. CT sọ não: dập não kèm máu tụ trong não trán hai bên, phù não lan tỏa, xóa các bể dịch não tủy trước cầu não.

Phương pháp điều trị đúng nhất:

A. Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ trán hai bên lấy máu tụ và giải ép

B. Điều trị tại khoa hồi sức, cho thở máy, chống phù não, theo dõi tình trạng tri giác, dấu hiệu sinh tồn và dấu thần kinh khu trú

C. Theo dõi, chụp lại CT-Scanner sau 24 giờ.

D. Phẫu thuật sau 24 giờ.

42. Những dấu hiệu nguy cơ trung bình của tổn thương trong sọ sau chấn thương sọ não, chọn câu đúng:

A. Đau đầu

B. Chóng mặt

C. Không có triệu chứng

D. Co giật

E. Sưng bầm vùng đầu

43. Những nhận định sau đây về u não, chọn câu sai:

A. Khoảng 50% khối u ở não là u di căn

B. Kết quả của việc điều trị phẫu thuật thường không khả quan do liên quan đến hệ thần kinh trung ương

C. Việc điều trị u não hiện nay là sự kết hợp của nhiều phương pháp: phẫu thuật, xạ trị, hóa trị

D. Khối u não hiện nay được chẩn đoán sớm hơn nhờ sự áp dụng CT-Scanner, MRI rộng rãi

E. Hiện nay, tỉ lệ khối u di căn ở não đang gia tăng do các bệnh nhân ung thư có thời gian sống còn lâu hơn

44. Tổn thương nguyên phát trong chấn thương sọ não, chọn câu đúng:

- A. Máu tụ trong não
- B. Phù não
- C. Thiếu máu não
- D. Tụt não
- E. Nứt sọ

45. Triệu chứng lâm sàng thường gặp của khối u não dưới lều, chọn câu đúng:

- A. Mất trí nhớ
- B. Co giật
- C. Dáng đi loạng choạng
- D. Yếu liệt
- E. Thờ ơ, ít tiếp xúc

46. Theo thang điểm Glasgow, chấn thương sọ não được xem là trung bình khi số điểm là, chọn câu đúng:

- A. 12-14
- B. 13-15
- C. 9-12
- D. 3-8
- E. 9-14

47. Tình huống lâm sàng: Bệnh nhân nữ, 60 tuổi, nhập viện vì tai nạn giao thông. Lâm sàng: bệnh nhân tỉnh và tiếp xúc chậm chạp, GCS=14 điểm, sưng to vùng thái dương phải.

Kết quả cận lâm sàng của bệnh nhân này ghi nhận máu tụ dưới màng cứng bán cầu trái bề dày khoảng 6 mm, đường giữa di lệch sang phải 5mm.

Chỉ định điều trị đúng nhất:

- A. Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ lấy máu tụ dưới màng cứng bán cầu trái.
- B. Điều trị tại khoa hồi sức, cho thở máy, chống phù não, theo dõi tri giác và dấu thần kinh khu trú.
- C. Nhập viện theo dõi tình trạng tri giác và các dấu hiệu thần kinh khu trú.
- D. Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ lấy máu tụ ngoài màng cứng bên phải và máu tụ dưới màng cứng bên trái.
- E. Phẫu thuật sau 24 giờ.

48. Những dấu hiệu nguy cơ cao của tổn thương trong sọ sau chấn thương sọ não, chọn câu đúng:

- A. Co giật
- B. Đau đầu tăng dần
- C. Chóng mặt
- D. Dấu hiệu vỡ sán sọ
- E. Dấu thần kinh khu trú

49. Những tiêu chí cho việc theo dõi tại nhà đối với người bệnh sau chấn thương sọ não, chọn câu sai:

- A. Chóng mặt
- B. GCS 15 điểm
- C. Ói
- D. Bệnh nhân có khả năng trở lại bệnh viện ngay khi cần thiết
- E. CT sọ não bình thường

50. Triệu chứng lâm sàng thường gặp của khối u não vùng thái dương, chọn câu đúng:

- A. Mất trí nhớ
- B. Chóng mặt
- C. Mù mắt
- D. Rối loạn vận ngôn
- E. Rối loạn dáng đi

51. Liên quan đến biểu hiện lâm sàng của bệnh lý u não, chọn câu sai:

- A. Đau đầu là triệu chứng thường gặp.
- B. Có trường hợp không có triệu chứng đau đầu, bệnh nhân chỉ có biểu hiện triệu chứng về thị giác
- C. Co giật ở người trưởng thành có thể là triệu chứng duy nhất
- D. Luôn luôn có biểu hiện đau đầu
- E. Rối loạn nội tiết có thể là triệu chứng của khối u não

52. Những tiêu chí cho việc theo dõi tại nhà đối với người bệnh sau chấn thương sọ não, chọn câu đúng:

- A. Sưng bầm da đầu nghiêm trọng
- B. Nói lúc đúng, lúc sai
- C. Chóng mặt, CT-Scan sọ não bình thường
- D. Bệnh nhân có nhà ở gần bệnh viện
- E. Có tình trạng say rượu

53. Máu tụ ngoài màng cứng cấp tính sau chấn thương, chọn câu sai:

- A. Nằm giữa bàn trong xương sọ và màng cứng
- B. Thường do nứt xương sọ
- C. Nguyên nhân thường do rách động mạch não giữa
- D. Hầu như phải mổ nếu thể tích máu tụ >30 cm³
- E. Rách động mạch màng não giữa thường là nguyên nhân của máu tụ vùng thái dương

54. Những dấu hiệu nguy cơ trung bình của tổn thương trong sọ sau chấn thương sọ não, chọn câu đúng:

- A. Đau đầu tăng dần
- B. Hôn mê
- C. Liệt nửa người
- D. Chóng mặt
- E. Tri giác giảm dần

55. Những dấu hiệu nguy cơ cao của tổn thương trong sọ sau chấn thương sọ não, chọn câu sai:

- A. Liệt nửa người
- B. Tri giác giảm dần
- C. Đa chấn thương
- D. Chấn thương sọ xuyên thấu
- E. Dấu thần kinh khu trú

56. Chỉ định chụp CT-Scan sọ não trong CTSN, chọn câu sai:

- A. Bệnh nhân lơ mơ, nói nhảm
- B. Chảy máu mũi
- C. Co giật
- D. Chảy dịch trong ra mũi
- E. Đau đầu nhiều và liên tục

57. Đau nước. Chọn câu sai:

- A. Triệu chứng lâm sàng thường không đặc hiệu và khó chẩn đoán
- B. Gây dẫn rộng não thất và tăng áp lực nội sọ
- C. Có thể diễn tiến cấp tính gây tử vong
- D. Triệu chứng có thể khác nhau ở trẻ nhỏ và trẻ lớn
- E. Câu B, C đúng

58. Bệnh đau nước trẻ em.

- A. Thường chỉ phát hiện được sau sanh
- B. Không liên quan yếu tố di truyền
- C. Đầu to là dấu hiệu đặc hiệu nhất
- D. Tiến triển bệnh thay đổi theo thời gian
- E. Chỉ cần chẩn đoán và điều trị nguyên nhân là đạt hiệu quả

59. Cơ chế bệnh đau nước. Chọn câu sai:

- A. Do tăng tiết quá mức dịch não tủy (DNT)
- B. Do u tủy gây tắc nghẽn lưu thông
- C. Tình trạng kém hấp thu DNT thường gặp sau viêm màng não, xuất huyết dưới nhện
- D. U đám rối mạch mạc thường gây đau nước thông thường
- E. Sự cân bằng giữa hấp thu, bài tiết DNT là tương đối

60. Liên quan đến bệnh đau nước:

- A. Phát hiện dễ ở 3 tháng đầu thai kì bằng siêu âm 3, 4 chiều
- B. Yếu tố nguy cơ: mẹ bị tiểu đường, cao huyết áp, tiền sản giật ...
- C. Đa số trẻ bị chậm phát triển trí tuệ dù có điều trị tích cực
- D. Cho đến ngày nay VP shunt vẫn là phương pháp điều trị phổ biến
- E. Nên khuyến cáo chấm dứt sớm thai kì ngay khi phát hiện

61. Điều trị bệnh đầu nước. Chọn câu sai:
- A. Tùy thuộc vào nguyên nhân
 - B. Tùy thuộc vào diễn tiến bệnh
 - C. Phẫu thuật nội soi mở thông sàn não thất III rất hiệu quả trong bệnh đầu nước tắc nghẽn
 - D. Điều trị nội khoa ít quan trọng
 - E. Không cần điều trị do DNT sẽ tái lưu thông sau khi loại bỏ được nguyên nhân gây tắc nghẽn
62. Đặc điểm thoát vị tủy - màng tủy. Chọn câu sai:
- A. Thường phát hiện rõ sau sanh từ 6 tháng tuổi
 - B. Gặp ở vùng thắt lưng - cùng
 - C. Có thể dò dịch não tủy
 - D. Có liên quan đến acid folic
 - E. Dễ nhiễm trùng nếu không can thiệp
63. Dị tật cột sống chẻ đôi:
- A. Do sự khép ống thần kinh không hoàn toàn
 - B. Xảy ra từ tuần 13 - 15 phôi thai
 - C. Phân biệt dị tật kín hay hở dựa vào thành phần trong khối thoát vị
 - D. Câu A, B đúng
 - E. Câu A, C đúng
64. Dị tật cột sống chẻ đôi kín:
- A. Bao gồm: thoát vị tủy - màng tủy - mỡ, xoang bì, nang thần kinh - ruột ...
 - B. Thường phát hiện trễ hơn dị tật hở
 - C. Đôi khi có biến chứng nhiễm trùng
 - D. Câu A, B đúng
 - E. Câu A, B, C đúng
65. Biểu hiện ngoài da ở vùng cột sống bị dị tật chẻ đôi. Chọn câu sai:
- A. Khối u mỡ trên đường giữa, cạnh giữa cột sống
 - B. Rậm lông
 - C. Ấn lõm hình đồng tiền
 - D. Bướu máu
 - E. Ấn lõm vùng cùng cụt, giữa rãnh gian móng

Hết